

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/06/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RP2+TD1	7:25	16+0+4	0+0+0		5+9+0	0+0+0	chuyen 4 rp2-td1
2		BK16+BK20+RP3	7:25	18+1+1	0+0+0		0+3+19	0+0+0	
3		PPD+MRM+CLO	7:25	17+4+0	0+0+0		10+11+1	0+0+0	
4		P4+P9+P6	9:25	19+3+0	0+0+0		15+4+2	0+0+0	chuyeb 3 p9-p6
5		PVD8+P4	9:25	19+2	0+0		18+4	0+0	
6		PPD+BK10-CL	9:25	3+15+3	0+0+0		1+17+3	0+0+0	chuyen 1 ppd-bk10
7		TD1+PVD8	11:40	5+16	0+0		0+22	0+0	
8		BK14+P2+P9	11:40	9+11+1	0+0+0		0+7+15	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ 1 nguoi p6 ve đi Td1, 1 nguoi bk10 về đi bk14



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP3 - RP2 - TD1	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM26/2787		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KHARITONOV YURY	RP3	33	1	15			79	KHI	Russian
2	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	37	1	5			84	KHI	Vietnamese
3	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	34	1	6			97	KHI	Vietnamese
4	VÕ ĐÔN LONG	RP3	36	1	6			74	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	29	1	4			83	KHI	Vietnamese
6	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	31	1	9			71	KHI	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HẢI	RP3	35	1	7			65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG NAM	RP3						67	KHI	Vietnamese
9	KHÔNG TIẾN DŨNG	RP3	40-41	2	18			67	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG TRỌNG PHÚC	RP3	42-43	2	17			72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ VĂN CHUNG	RP3	30	1	15			78	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG THANH HÒA	RP3	49	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BẢO TOÀN	RP3	44-45	2	12			84	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG TUẤN ANH	RP3	38-39	2	13			85	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ HOÀI THANH	RP3	32	1	5			72	DVL	Vietnamese
16	LƯƠNG MINH KHUÊ	RP3	50-51	2	17			60	NIPI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG	TD1	02	1	10			69	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY KHÁNH	TD1	700	1	11	2	58	75	ANTOAN	Vietnamese
19	LÊ DUY AN	TD1	01	1	13			118	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HỘI	TD1	98-99	2	19			64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	16	1.203	20	153	0	0	5		
2	RP2	0	0	0	0	3	19	9	4	CHUYEN 04 PAX TỪ RP2-TD1
3	TD1	4	326	5	53	2	58	0		
TOTAL		20	1.529	25	206	5	77	14		
WEIGHT KG			1.529		206		77			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST

Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK16 - BK20 - RP3	CREW: HUNG - N.ANH - VŨ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2	VNHS FLIGHT: TM26/2790		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ANIS CHAKROUN	BK16	55-56	2	20			110	SNF	French
2	MICHEL OUDJARI	BK16	52-54	3	20			101	SNF	French
3	NGUYỄN VIỆT MINH HOÀNG	BK16	20	1	8			85	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	BK16	60-61	2	18	2	37	88	CODIEN	Vietnamese
5	VŨ QUỐC TUẤN	BK16	57	1	18			85	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ HUY	BK16	07-08	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG MINH	BK16	58	1	14			96	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HUY ANH	BK16	45	1	10	1	15	90	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THẮNG	BK16	49-50	2	18			54	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN THOẢNG	BK16	47	1	10	1	16	57	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH KHÁNH	BK16	18-19	2	17			57	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN SỸ	BK16	16-17	2	14			82	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ QUANG TẠO	BK16	51	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HẢI	BK16	64	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
15	THỊNH VIỆT HÙNG	BK16	13	1	13			74	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CẢNH THÔNG	BK16	14-15	2	15			73	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM BÀ KHÁNH	BK16	59	1	11			78	PSV	Vietnamese
18	TÔ CÔNG TÁNH	BK20	01	1	5			63	PSV	Vietnamese
19	MAI MINH TIẾN	RP3	64	1	4	3	30	69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	17	1.335	26	251	4	68	0		
2	BK20	1	63	1	5	0	0	3		
3	RP3	1	69	1	4	3	30	19		
TOTAL		19	1.467	28	260	7	98	22		
WEIGHT KG			1.467		260		98			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PPD - MRM - CLO	CREW: LHM - T.HIEU - DSON - THU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/2793	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRUONG HUNG BIEN	PPD	09	1	5			75	HAI TIN	Vietnamese
2	HOANG LE HA	PPD				2	35	66	HAI TIN	Vietnamese
3	BUI SON HAI	PPD	08	1	5			71	D-HANH	Vietnamese
4	BUI VAN HUNG	PPD						76	KHI	Vietnamese
5	DO CHUNG KIEN	PPD	98	1	4			62	KHI	Vietnamese
6	TRAN SON TOAN	PPD	97	1	4			75	KHI	Vietnamese
7	PHAM VAN SON	PPD	07	1	4			62	KHI	Vietnamese
8	VU VAN TRIEU	PPD	01	1	3			78	KHI	Vietnamese
9	VU MANH HUNG	PPD	02	1	5			79	KHI	Vietnamese
10	TRINH VAN CUONG	PPD	05	1	6			71	KHI	Vietnamese
11	OKOVANTSEV G.F	PPD	03	1	10			116	KHI	Russian
12	NGUYEN HUU HAO	PPD	99	1	4			79	KHI	Vietnamese
13	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	04,95	2	13			74	KHI	Vietnamese
14	DO VAN TUAN	PPD	63	1	4			69	KHI	Vietnamese
15	LE TRUNG LAN	PPD	82	1	3			77	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN THE HUNG	PPD	96	1	5			74	KHI	Vietnamese
17	TRAN THANH TRI	PPD	06	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN LOI	MRM	78	1	12			78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN DUC THINH	MRM	48	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
20	KIRICHENKO K.P.	MRM	46	1	4			83	KHOAN	Russian
21	NGUYEN HOANG SON	MRM	45	1	7			75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	17	1.277	16	82	2	35	13		
2	MRM	4	314	4	33	0	0	8		
3	CLO	0	0	0	0	2	35	1		
TOTAL		21	1.591	20	115	4	70	22		
WEIGHT KG			1.591		115		70			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

LUU THANH HAI

LE TRUNG HIEU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: <i>Trưởng - 2</i>	TO: P4 - P9 - P6	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/2788		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P4	78	1	4			60	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	90	1	5			73	KHI	Vietnamese
3	NGÔ THANH LÂM	P4	89	1	3			67	KHI	Vietnamese
4	LÊ VĂN MẠNH	P4						57	KHI	Vietnamese
5	PHẠM QUỐC DUY	P4	88	1	4	4	70	59	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH CANG	P4	87	1	5			77	KHI	Vietnamese
7	LÊ NHÂN THỊNH	P4	86	1	10			66	PQPOC	Vietnamese
8	VÕ DUY HOÀNG	P4	81-82	2	10			72	PQPOC	Vietnamese
9	VŨ VIỆT ĐOÀN	P4	85	1	9			79	PQPOC	Vietnamese
10	HỒ HOÀNG DUY	P4	83-84	2	10			57	PQPOC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRÚNG DƯƠNG	P4	79-80	2	10			66	PQPOC	Vietnamese
12	BÙI ĐĂNG TIẾN	P4	92-93	2	10			66	KHI	Vietnamese
13	OVCHARENKO	P4	95	1	5			81	KHI	Russian
14	TRẦN VĂN NĂM	P4	76	1	4			72	KHI	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	77	1	5			79	KHI	Vietnamese
16	LÊ QUANG VINH	P4	91	1	7			71	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG TRƯỜNG	P4						81	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	94	1	7			62	KHI	Vietnamese
19	DƯƠNG MẠNH HIỀN	P4	70-71	2	18			68	KHI	Vietnamese
20	VŨ ĐOÀN HÙNG	P9	16	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN CHÁNH	P9	17	1	9	3	45	63	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	P9	19	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	19	1.313	22	126	4	70	15		
2	P9	3	210	3	28	3	45	4	+3	CHUYEN 3 PAX P9-P6
3	P6	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.523	25	154	7	115	21		
WEIGHT KG			1.523		154		115			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REF.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REF.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: HONG-2	TO: PVD8 - P4	CREW: HUNG - N.ANH - VŨ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5	VNHS FLIGHT: TM26/2791		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM HUY THƯƠNG	PVD8	58	1	10			83	NT- DATACAN	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN HUNG	PVD8	64	1	10	2	25	74	NT- DATACAN	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN DŨNG	PVD8	63	1	11			67	NT- DATACAN	Vietnamese
4	TRẦN TRUNG HẬU	PVD8	69	1	5			61	NT- DATACAN	Vietnamese
5	HOÀNG TRỌNG CHÚC	PVD8	53	1	6			76	PVD DD	Vietnamese
6	TRẦN HUY HOÀNG	PVD8	54	1	9			89	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN TÂN HIẾU	PVD8	67-68	2	11			52	PVD LOGGING	Vietnamese
8	CAO MINH HUY	PVD8	65-66	2	12			63	PVD LOGGING	Vietnamese
9	LE ANH SON	PVD8	48	1	5			71	DMC-MI	Vietnamese
10	BÙI NGỌC QUANG	PVD8	50	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
11	IUKHIMCHUK A	PVD8	55	1	5			80	KH-THAC	Russian
12	VÕ TRỌNG NHIÊN	PVD8	57	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐỨC	PVD8	59	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	PVD8	55-56	2	17			65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM LÊ TUẤN ANH	PVD8	60-61	2	12	3	50	60	KH-THAC	Vietnamese
16	TĂNG HOÀNG LONG	PVD8	51	1	5			62	PVD DD	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH TUẤN	PVD8	47	1	5			54	PVD DD	Vietnamese
18	ĐỖ MẠNH LONG	PVD8	49	1	5			85	PVDO	Vietnamese
19	NGUYỄN THÁI HỢP	PVD8	52	1	5			65	PVDO	Vietnamese
20	LÊ VĂN QUANG	P4	83-84	2	17			75	KHI	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HỮU	P4	85	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	19	1.298	23	148	5	75	18		
2	P4	2	137	3	22	0	0	4		
TOTAL		21	1.435	26	170	5	75	22		
WEIGHT KG			1.435		170		75			

GRAND TOAL: 1.680 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:58
B.CARD: NÂU-2	TO: PPD - BK10 - CLI	CREW: LHM - T.HIEU - DSON - THU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/2794	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE VAN LONG	PPD	01	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU SY	PPD	10	1	7	2	9	67	KH-THAC	Vietnamese
3	PHUNG BA DE	PPD	04-05	2	9	2	12	71	CODIEN	Vietnamese
4	DO THANH TUNG	PPD	17	1	10	3	19	68	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN NAM	PPD	19-20	2	15			84	CODIEN	Vietnamese
6	LUU QUANG DAT	PPD	02-03	2	17			75	CODIEN	Vietnamese
7	LE NGOC ANH	PPD	14	1	11			78	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TRI PHUOC	PPD	18	1	11	2	21	69	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TAT KHANH	PPD	11	1	6			72	KHI	Vietnamese
10	DOAN MANH TOAN	PPD						88	KHI	Vietnamese
11	TRUONG HAI HA	PPD	12	1	7			72	KHI	Vietnamese
12	HOANG HUY TIEN	PPD	09	1	5			57	KHI	Vietnamese
13	LE THANH TRUNG	PPD	13	1	5			66	KHI	Vietnamese
14	LUONG MANH DUONG	PPD	07	1	7			59	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TU	PPD	08	1	7			78	KHI	Vietnamese
16	BUI NGOC HUONG	PPD	06	1	7			62	KHI	Vietnamese
17	QUACH THANH DO	PPD	15-16	2	15			65	KHI	Vietnamese
18	PHAN MANH CUONG	BK10	94	1	6	2	16	85	ANTOAN	Vietnamese
19	TRAN DUY THONG	BK10	97	1	9	5	76	77	ANTOAN	Vietnamese
20	MAI CAO DINH	BK10	98	1	9			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	17	1.202	20	150	9	61	16	1	CHUYEN 1 PAX PPD → BK10
2	BK10	3	226	3	24	7	92	3	1	
3	CLI	0	0	0	0	0	0	1	1	
TOTAL		20	1.428	23	174	16	153	20		
WEIGHT KG			1.428		174		153			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

LUU THANH HAI

LE TRUNG HIEU





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: TD1 - PVD8	CREW: LINH - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/2789	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NHÂM ĐỨC TUÂN	TD1	05	1	10	2	85	69	DVL	Vietnamese
2	TRƯƠNG MINH KHÁNH	TD1	06	1	14	1	29	74	DVL	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC THẮNG	TD1	08	1	10			76	DVL	Vietnamese
4	MULNHIUCHKIN V.	TD1	07	1	14			88	DVL	Russian
5	NGUYEN MANH THANG	TD1				2	25	58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC TUÂN	PVD8	11	1	6			71	PVDO	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	PVD8	19	1	5			72	PVDO	Vietnamese
8	TRẦN NGÔN QUANG HUY	PVD8	20	1	6			79	PVDO	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC HIẾU	PVD8	24	1	5			83	PVDO	Vietnamese
10	PHAN VĂN HÙNG	PVD8	23	1	6			62	PVDO	Vietnamese
11	TRẦN VĂN KIÊN	PVD8	15	1	8			60	PVDO	Vietnamese
12	TRƯƠNG CÔNG ĐIỀN	PVD8	16-17	2	8			73	PVDO	Vietnamese
13	LUƠNG TÂN SANG	PVD8	13-14	2	14			76	PVDO	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HOÀNG	PVD8	09-10	2	9			103	PVDO	Vietnamese
15	HỒ TRỌNG ĐỒNG	PVD8	28	1	10			80	PVDWS	Vietnamese
16	CAO TRUNG NAM	PVD8	21-22	2	13			78	PVDWS	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NGHỊ	PVD8	25	1	9			72	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRUNG HIẾU	PVD8	26-27	2	8			73	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN TỈNH	PVD8	12	1	6			73	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	5	365	4	48	5	139	0		
2	PVD8	14	1.055	19	113	0	0	22		
TOTAL		19	1.420	23	161	5	139	22		
WEIGHT KG			1.420		161		139			

GRAND TOAL: 1.720 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 24/06/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: BK14 - P2 - P9	CREW: KHOÀN - VTHẮNG - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8	VNHS FLIGHT: TM26/2792		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ HOÀNG TÂN	BK14	30-31	2	14			80	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NAM THẮNG	BK14	40	1	8	2	25	106	KH-THAC	Vietnamese
3	LẠI ANH TUẤN	BK14	39	1	18			103	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐẠI KHOA	BK14	36	1	17			67	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THANH	BK14	34	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH ĐẠT	BK14	37-38	2	18			80	DVL	Vietnamese
7	PHẠM VĂN ĐẠM	BK14	32-33	2	14			68	DVL	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC NINH	BK14	35	1	7			80	PSV	Vietnamese
9	PHẠM HUY DINH	BK14	41-42	2	20			65	T-TIN	Vietnamese
10	VŨ NGỌC DUNG	P2	03	1	2			72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN HOÀN	P2	01-02	2	15			58	CODIEN	Vietnamese
12	TỔNG VĂN ĐỨC	P2	08-09	2	15	2	39	73	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ ANH QUỐC	P2	11	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ NHẬT QUI	P2	12	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SANG	P2	05	1	10	2	20	69	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ QUỐC VƯƠNG	P2	10	1	8			74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ANH BẢO	P2	04	1	10			66	YTE	Vietnamese
18	TRẦN TUẤN ANH	P9	23	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	9	729	13	127	2	25	0		
2	P2	8	548	10	91	4	59	5		
3	P9	1	85	1	10	0	0	15		
TOTAL		18	1.362	24	228	6	84	20		
WEIGHT KG			1.362		228		84			

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.


NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.


NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW


ĐỖ XUÂN HOÀN
NGÔ VĂN THẮNG

